

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/BC-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2024

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (KCNC) là một trong ba khu công nghệ cao quốc gia do Chính phủ thành lập năm 2002 theo Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002, trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với quy mô 913,1633 ha (Giai đoạn I: 326,09223 ha; Giai đoạn II: 587,0711 ha) tọa lạc tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, có vai trò là một khu kinh tế - kỹ thuật được xây dựng bằng vốn ngân sách và phát triển trên cơ sở công nghệ cao, tập trung ưu tiên vào 04 mũi nhọn gồm: (i) Vi điện tử - Công nghệ thông tin - Viễn thông; (ii) Cơ khí chính xác - Tự động hóa; (iii) Công nghệ sinh học áp dụng trong dược phẩm và môi trường; (iv) Năng lượng mới - Vật liệu mới - Công nghệ Nano.

Về hồ sơ thủ tục môi trường, KCNC đã được:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM) của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh” tại Quyết định số 333/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2004 và phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn II, diện tích 587,07 ha” tại Quyết định số 2305/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2011.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 544/GP-BTNMT ngày 08 tháng 3 năm 2019, công suất xả thải là 9.000m³/ngày.đêm.

- Chủ đầu tư Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý KCNC).

- Địa chỉ: Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 028.3.7360.293

Fax: 028.3.7360.292

- Người đại diện: Ông Nguyễn Kỳ Phùng – Trưởng ban

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng, diễn biến và các vấn đề môi trường

a) Tổng diện tích đất, đất công nghiệp, cây xanh; tỷ lệ lấp đầy; chất lượng môi trường không khí, đất, nước

- Tổng diện tích đất, mặt nước, cây xanh, tỷ lệ lấp đầy: KCNC có tổng diện tích đất là 913,1633 ha, trong đó diện tích khu cây xanh – mặt nước là 163,93 ha.

Bảng 1. Diện tích các phân khu chức năng của KCNC

STT	Phân khu chức năng theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000	Ký hiệu	Diện tích đất theo quy hoạch (ha)	Diện tích đất có thể giao, cho thuê (ha)
1	Khu sản xuất công nghệ cao	I	337,97	337,97
2	Khu Nghiên cứu phát triển – Đào tạo và Vườn ươm	E	92,75	92,75
3	Khu dịch vụ thương mại và hỗ trợ kỹ thuật	T	19,08	19,08
4	Khu cảng nội địa	PO	6,06	6,06
5	Khu phức hợp	C1	12,70	12,70
6	Trung tâm quản lý điều hành	TC	3,51	3,51
7	Trụ sở Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy	T-CC	0,78	0,78
8	Nhà văn hóa công nhân	S-VH	1,19	1,19
9	Khu nhà ở	S, H	62,16	62,16
10	Khu Công nghiệp hỗ trợ	HT	29,57	29,57
11	Khu hậu cần	HC	3,21	3,21
12	Khu bảo thuế	BT	10,96	10,96
13	Khu hạ tầng kỹ thuật đầu mối	K	6,69	6,69
14	Khu cây xanh – mặt nước	G	163,93	11,70 (Đang rà soát điều chỉnh)
15	Đất giao thông, bãi đậu xe		121,84	Đất không giao lại, cho thuê
TỔNG			913,1633	598,33

Tính đến 31 tháng 12 năm 2024, Ban Quản lý KCNC đã giao lại đất, cho thuê đất cho 138 dự án với tổng diện tích khoảng 534,14ha trên khoảng 598,33ha đất thương phẩm có thể giao lại đất, cho thuê đất trong Khu Công nghệ cao chiếm tỷ lệ 89,27%.

Bảng 2. Tổng diện tích đất thương phẩm

STT	Phân khu chức năng theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000	Ký hiệu	Diện tích đất có thể giao, cho thuê (ha)	Diện tích đã giao, cho thuê (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Khu sản xuất công nghệ cao	I	337,97	328,68	97,25%
2	Khu Nghiên cứu phát triển – Đào tạo và Vườn ươm	E	92,75	90,79	98,89%
3	Khu dịch vụ thương mại và hỗ trợ kỹ thuật	T	19,08	14,75	77,32%
4	Khu cảng nội địa	PO	6,06	0,00	0,00%
5	Khu phức hợp	C1	12,70	12,70	100,00%
6	Trung tâm quản lý điều hành	TC	3,51	0,00	0,00%
7	Trụ sở Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy	T-CC	0,78	0,78	100,00%
8	Nhà văn hóa công nhân	S-VH	1,19	1,19	100,00%
9	Khu nhà ở	S, H	62,16	26,95	43,35%
10	Khu Công nghiệp hỗ trợ	HT	29,57	29,05	98,24%
11	Khu hậu cần	HC	3,21	3,21	100,00%
12	Khu bảo thuế	BT	10,96	10,96	100,00%
13	Khu hạ tầng kỹ thuật đầu mối	K	6,69	4,16	62,17%
14	Khu cây xanh – mặt nước	G	11,70 (Đang rà soát điều chỉnh)	10,93	93,42%
15	Đất giao thông, bãi đậu xe		Đất không giao lại, cho thuê		
TỔNG			598,33	534,14	89,27%

- Chất lượng môi trường không khí, đất, nước: Trong năm 2024, Ban Quản lý KCNC không thực hiện giám sát chất lượng môi trường không khí, đất, nước mặt trong KCNC. Lý do: Căn cứ:

+ Khoản 2 Điều 106 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

“2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải ra môi trường phải thực hiện quan trắc theo quy định tại Điều 111 và Điều 112 của Luật này.”

+ Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Quan trắc nước thải.

+ Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp.

Theo các quy định trên, Ban Quản lý KCNC chỉ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải tại đầu ra của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCNC trước khi xả ra ngoài môi trường, không thực hiện quan trắc chất lượng môi trường nước ngầm, không khí, nước mặt, thủy sinh, đất, bùn đáy, sạt lở bờ sông và bồi lắng dòng sông.

Ban Quản lý KCNC đã xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện quan trắc môi trường xung quanh KCNC tại Công văn số 1184/KCNC-QHXDMT ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc hướng dẫn thủ tục môi trường đối với Dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC" và Công văn số 77/KCNC-QHXDMT ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc đề nghị hướng dẫn thủ tục môi trường đối với Dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCNC" theo Công văn số 1184/KCNC-QHXDMT ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ban Quản lý KCNC. Hiện Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có ý kiến hướng dẫn nội dung này. Ban Quản lý KCNC cũng đã có Công văn số 205/KCNC-QHXDMT ngày 04 tháng 3 năm 2024 kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo một đầu mối (là Sở Tài nguyên và Môi trường) thực hiện quan trắc môi trường đất, không khí, nước mặt, nước dưới đất, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt trên toàn Thành phố Hồ Chí Minh trong đó có địa bàn KCNC và chia sẻ dữ liệu về kết quả quan trắc cho Ban Quản lý KCNC để thực hiện báo cáo công tác môi trường của KCNC hàng năm.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 5259/STNMT-KHTC về ý kiến phản hồi đối với Công văn số 205/KCNC-QHXDMT ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý KCNC. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ chia sẻ thông số quan trắc nước mặt trên kênh Suối Cái và rạch Gò Công.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 461/STNMT-TTQT về việc chia sẻ dữ liệu quan trắc kênh Suối Cái và rạch Gò Công năm 2024 cho Ban Quản lý KCNC. Ban Quản lý KCNC đã sử dụng dữ liệu được chia sẻ trình bày trong báo cáo này.

Bảng 3. Số liệu quan trắc trung bình năm 2024 (tiến hành quan trắc từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2024)

Triều	Vị trí	pH	TSS	NH ₄	Tổng N	Tổng P	DO	COD	BOD ₅	COLI	ECOLI	Pb	Cd	Cr	Cu	Zn
			(mg/l)	(mg/l)	(mg/l)	(mg/l)	(mg/l)	(mg/l)	(mg/l)	MPN/100ml	MPN/100ml	(mg/l)	(mg/l)	(mg/l)	(mg/l)	(mg/l)
Lớn (L)	Suối Cái	7,35	30	12,11	16,48	1,34	2,21	86	47	282.000	82.200	-	-	-	-	-
	Cầu Gò Công	7,00	26	0,58	1,46	0,11	2,23	25	14	61.800	10.420	-	-	-	-	-
Ròng (R)	Suối Cái	7,44	30	11,41	15,52	1,39	1,43	104	56	1.092.000	362.000	KPH	KPH	KPH	0,081	0,064
	Cầu Gò Công	6,96	27	6,20	9,75	0,61	1,48	45	25	154.600	58.000	0,028	KPH	KPH	KPH	0,038
Giới hạn phát hiện		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,002 6	0,000 5	0,003	0,02	-

Theo kết quả quan trắc ở bảng trên, chất lượng nước mặt kênh Suối Cái và rạch Gò Công thuộc mức “D” - Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

b) Quy mô, tính chất của các nguồn ô nhiễm môi trường

Tính đến nay, KCNC đã có 160 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực, trong đó tổng số dự án đang hoạt động tại KCNC là 108 dự án chiếm 67,5%, 52 dự án chưa đi vào hoạt động chiếm 32,5% (trong đó có 05 dự án tạm ngừng hoạt động chiếm 3,1%). Các lĩnh vực hoạt động trong KCNC bao gồm: vi điện tử-công nghệ thông tin-viễn thông, cơ khí chính xác và tự động hóa, công nghệ sinh học, năng lượng mới-vật liệu mới và 06 Nhà đầu tư đang hoạt động loại hình cho thuê nhà xưởng, gồm:

- Công ty TNHH TLD Hi-Tech;
- Công ty TNHH Đầu tư nhà xưởng Lập Thành;
- Công ty TNHH MTV Phát triển KCNC;
- Công ty TNHH Ascendas Saigon Bund;
- Công ty TNHH Vivian Shuim;
- Công ty TNHH Sacom- Chíp Sáng.

c) Quy mô, tính chất của chất thải (tổng lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại)

- Nước thải

Toàn bộ nguồn nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất không nguy hại) đều được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn quy định của KCNC (ban hành theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý KCNC) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải (NMXLNT) tập trung của KCNC.

Tổng lượng nước thải năm 2024 phát sinh từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC là 1.926.310 m³ (tính theo 80% nước cấp), công suất xử lý trung bình tại NMXLNT tập trung khoảng 4.497,9 m³/ngày.đêm (lưu lượng nước thải thực tế về NMXLNT là 1.646.222 m³).

Số cơ sở đầu nối tương ứng với lượng nước thải xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung: 89 Doanh nghiệp.

Số cơ sở được miễn trừ đầu nối tương ứng với lượng nước thải tự xử lý: Không có.

Số cơ sở không/chưa đầu nối theo quy định tương ứng với lượng nước thải phát sinh: Không có.

- Chất thải rắn và chất thải nguy hại

Tổng nguồn chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC được thống kê như sau:

Bảng 4. Tình hình phát sinh chất thải rắn

Tình hình phát sinh chất thải rắn	Kết quả
Chất thải rắn sinh hoạt	504.632,81 tấn
Chất thải rắn công nghiệp thông thường	33.984.767,58 kg
Chất thải rắn nguy hại	4.655.532,64 kg
Bùn thải (từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của NMXLNT)	74,98 tấn

- Khí thải từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCN:

Bảng 5. Danh sách các doanh nghiệp có phát sinh khí thải và có hệ thống xử lý khí thải

TT	Tên doanh nghiệp	Có hệ thống xử lý khí thải
1	Công ty Cổ Phần Sanofi Việt Nam	✓
2	Công ty Cổ Phần CTCBIO Việt Nam	✓
3	Công ty TNHH MTV Daeyoung Electronics Vina	✓
4	Công ty TNHH Intel Products Việt Nam	✓
5	Công ty TNHH Techtronic Tools (Việt Nam)	✓
6	Công ty TNHH Nidec Instruments Việt Nam (Trước Đây Là Công ty TNHH Nidec Sankyo Việt Nam)	✓
7	Công ty TNHH Nidec Copal Precision Việt Nam	✓
8	Công ty TNHH Nidec Vietnam Corporation	✓
9	Công ty TNHH Nidec Advanced Motor Việt Nam (Trước Đây Là Công ty TNHH Nidec Servo Việt Nam)	✓
10	Công ty TNHH Jabil Việt Nam	✓
11	Công ty TNHH Daihan Vina	✓
12	Trung Tâm Phân Tích Thí Nghiệm Và Văn Phòng – Viện Dầu Khí Việt Nam	✓
13	Công ty TNHH New – Hanam	✓
14	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Kỹ Thuật Tự Động Hải Nam	✓
15	Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng	✓
16	Công ty Cổ Phần Nhà Máy Trang Thiết Bị Y Tế USM Healthcare	✓
17	Công ty TNHH Platel Vina	✓
18	Công ty Cổ Phần Oristar	✓
19	Công ty TNHH Mekophar	✓
20	Công ty TNHH Datalogic Việt Nam	✓
21	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược Nanogen	✓
22	Công ty TNHH Điện Tử Samsung CE Complex	✓
23	Công ty TNHH Sonion Việt Nam	✓

24	Công ty Cổ Phần Bóng Đèn Điện Quang	✓
25	Nhà Máy Nipro Việt Nam	✓
26	Công ty TNHH Đầu tư Và Phát triển Công Nghệ Thông Minh	✓
27	Công ty Cổ Phần Điện Tử D.G.S	✓
28	Trung Tâm Công Nghệ Và Quản Lý Môi Trường	✓
29	Công ty TNHH MTV Nhà Máy Công Nghệ Sinh Học Và Thiết Bị Y Tế	✓
30	Phân Viện Vật Liệu Xây Dựng Miền Nam	✓
31	Công ty Cổ Phần Nhà Máy Wembley Medical	✓

Khí thải từ các doanh nghiệp được thu gom và xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường qua ống khói hoặc ống xả, thành phần khí thải chủ yếu là bụi, SO_x, CO, NO_x, và các hợp chất bay hơi như Toluene, Xylen, Aceton, THC,... Định kỳ hàng năm, Ban Quản lý KCNC tổ chức đấu thầu rộng rãi để chọn đơn vị tư vấn có năng lực và kinh nghiệm quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các doanh nghiệp một lần/doanh nghiệp trong năm. Tuy nhiên trong năm 2024, Ban Quản lý KCNC gặp khó khăn trong công tác lập dự toán để thực hiện nội dung công việc này. Nguyên nhân: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa ban hành đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn Thành phố thay thế cho bộ đơn giá được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2015 và cũng chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng tạm thời hoặc hướng dẫn tự xây dựng bộ đơn giá; Ban Quản lý KCNC cũng không có chức năng để tự xây dựng đơn giá cho quan trắc môi trường. Do đó, ngày 27 tháng 6 năm 2023, Ban Quản lý KCNC đã có Công văn số 710/KCNC-QHXDMT kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn cụ thể về việc xác định đơn giá quan trắc môi và phân tích môi trường để Ban Quản lý KCNC có cơ sở xây dựng dự toán hoạt động sự nghiệp môi trường.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 6755/STNMT-KHTC, theo đó Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn áp dụng “*Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường; Công văn số 1853/BTNMT-KHTC ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến về vướng mắc trong quá trình áp dụng định mức ban hành kèm theo Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT*”. Tuy nhiên, qua nghiên cứu hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý KCNC nhận thấy không có chức năng để tự xây dựng đơn giá cho quan trắc môi trường, do đó cần phải thuê đơn vị bên ngoài để thực hiện công tác này, việc thuê đơn vị xây dựng đơn giá quan trắc gặp phải khó khăn về kinh phí để thuê đơn vị xây dựng đơn giá. Đồng thời xét việc tự thuê đơn vị xây dựng đơn giá tốn chi phí nhưng phạm vi áp dụng chỉ cho riêng Khu Công nghệ cao gây lãng phí tiền và không thống nhất giữa các đơn vị trên cùng một địa bàn là Thành phố Hồ Chí Minh. Ban Quản lý KCNC đã tiếp tục có Công văn số 205/KCNC-QHXDMT ngày 04 tháng 3 năm 2024 kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố sớm ban hành đơn giá quan trắc môi trường để

các đơn vị thực hiện đồng loạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến nay, UBND Thành phố vẫn chưa ban hành đơn giá quan trắc. Do đó, trong năm 2024 Ban Quản lý KCNC không lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải và không khí phát sinh từ các doanh nghiệp trong KCNC, chỉ kiểm tra hồ sơ pháp lý môi trường và công tác xử lý nước thải, khí thải, công tác quản lý chất thải trên hiện trường.

2. Tình hình và kết quả công tác bảo vệ môi trường

a) Tổ chức bộ máy và nguồn lực

Ban Quản lý KCNC có bộ phận quản lý môi trường thuộc Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường, số cán bộ được đào tạo chuyên ngành về môi trường làm công tác về bảo vệ môi trường tại Ban Quản lý KCNC có 05 nhân sự bao gồm 01 Lãnh đạo và 04 Chuyên viên có chuyên môn về bảo vệ môi trường được phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu các quy định pháp luật, thực hiện công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường, thụ lý, giải quyết các vướng mắc, khó khăn về môi trường của các dự án đầu tư trong KCNC và tham mưu Ban Quản lý KCNC tổ chức triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường trong KCNC. Hàng năm, bộ phận chuyên trách về môi trường được tham gia các lớp tập huấn để nâng cao năng lực quản lý, yêu cầu tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về môi trường trong KCNC. Ngoài ra, Ban Quản lý KCNC còn có đơn vị quản lý hạ tầng chịu trách nhiệm vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCNC, kiểm soát việc thu gom nước thải, thực hiện các dịch vụ hạ tầng liên quan đến môi trường trong KCNC.

b) Tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý bảo vệ môi trường theo quy định

- Số lượng kế hoạch, chương trình về bảo vệ môi trường được ban hành trong năm 2024:

+ Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020 – 2030 (Quyết định số 1055) và thực hiện theo Kế hoạch số 877/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020 – 2030 (Kế hoạch số 877). Trong năm 2024, Ban Quản lý KCNC đã xây dựng và triển khai một số nội dung như sau:

✓ Công văn số 434/KCNC-QHXDMT ngày 15 tháng 4 năm 2024 về kế hoạch ứng phó sự cố chất thải;

✓ Thông báo số 50/TB-KCNC ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc tham gia hưởng ứng Ngày hội Sống xanh và các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024;

✓ Kế hoạch số 27/KH-KCNC ngày 08 tháng 5 năm 2024 về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trong KCNC năm 2024 – 2025;

✓ Kế hoạch số 34/KH-KCNC ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc thực hiện Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020 – 2030 trong năm 2024 tại KCNC.

✓ Báo cáo kết quả thực hiện Cuộc vận động "Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch, xanh và thân thiện với môi trường" năm 2024 tại Công văn số 832/KCNC-QHXDMT ngày 26 tháng 6 năm 2024.

✓ Báo cáo kết quả thực hiện hiện các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường trên địa bàn Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 tại Công văn số 943/KCNC-QHXDMT ngày 09 tháng 7 năm 2024.

✓ Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020-2030 trong năm 2024 tại Công văn số 962/KCNC-QHXDMT ngày 15 tháng 7 năm 2024. Báo cáo bổ sung kết quả thực hiện Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020 – 2030 trong năm 2024 tại Công văn số 1017/KCNC-QHXDMT ngày 23 tháng 7 năm 2024.

✓ Công văn số 1575/KCNC-QHXDMT ngày 29 tháng 10 năm 2024 góp ý dự thảo “Hướng dẫn thực hiện biện pháp khẩn cấp trong trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

✓ Công văn số 1578/KCNC-QHXDMT ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc thực hiện các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn.

✓ Công văn số 1437/KCNC-QHXDMT ngày 30 tháng 9 năm 2024 về việc triển khai quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong Khu Công nghệ cao.

+ Quyết định số 92/QĐ-KCNC ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ban Quản lý KCNC về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra dự án đầu tư trong KCNC năm 2024; Quyết định số 276/QĐ-KCNC ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ban Quản lý KCNC về điều chỉnh Quyết định số 92/QĐ-KCNC ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra dự án đầu tư trong KCNC năm 2024 (thực hiện theo Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường).

- Số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoàn thành các thủ tục về môi trường: Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hiện trong KCNC có 31 doanh nghiệp đã có Giấy phép môi trường hoặc Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và 16 dự án đã thực hiện đăng ký môi trường tại Ủy ban nhân dân cấp huyện (chi tiết đính kèm Phụ lục).

- Số lượng và tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được kiểm tra về bảo vệ môi trường: Trong năm 2024, Ban Quản lý KCNC đã chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra 26 đơn vị, doanh nghiệp trong KCNC (Quyết định số 276/QĐ-KCNC ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ban Quản lý KCNC về điều chỉnh Quyết định số 92/QĐ-KCNC ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra dự án đầu tư trong KCNC năm 2024). Kết quả kiểm tra được tóm tắt như sau:

+ Về việc phối hợp trong công tác kiểm tra: 100% các doanh nghiệp được kiểm tra đều phối hợp tốt khi đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ tại doanh nghiệp, có báo cáo cung cấp thông tin dữ liệu cho đoàn kiểm tra.

+ Về việc thực hiện hồ sơ thủ tục môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Cho đến thời điểm báo cáo 19/26 doanh nghiệp được kiểm tra đã có hồ sơ môi trường theo quy định hiện hành, 05/26 doanh nghiệp đang thực hiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường¹, 02/26 doanh nghiệp chưa thực hiện (các doanh nghiệp này đã có hồ sơ môi trường theo quy định trước đây, tuy nhiên hiện nay: mặt bằng nhà xưởng trống², chưa xây dựng³).

+ Về việc phân loại, lưu giữ và chuyển giao các loại chất thải: Hầu hết các doanh nghiệp đều thực hiện tốt công tác phân loại tại nguồn, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho các đơn vị có chức năng thu gom xử lý. Tại thời điểm kiểm tra có 02 trường hợp được nhắc nhở: chưa cung cấp hợp đồng chuyển giao chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho Đoàn Kiểm tra⁴; Hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại hết hạn⁵. Hai trường hợp này đã được khắc phục kịp thời sau đợt kiểm tra.

+ Về việc thu gom và xử lý nước thải: 100% doanh nghiệp được kiểm tra đều thu gom và có biện pháp xử lý nước thải sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao.

+ Về việc thu gom và xử lý khí thải: 100% doanh nghiệp được kiểm tra có phát sinh khí thải đều thu gom và có biện pháp xử lý khí thải theo hồ sơ môi trường đã được các cơ quan phê duyệt.

+ Về việc thực hiện báo cáo định kỳ công tác bảo vệ môi trường: Hầu hết các doanh nghiệp có thực hiện báo cáo định kỳ công tác bảo vệ môi trường. Tại thời điểm kiểm tra có 01 trường hợp được nhắc nhở: Chưa cung cấp báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho đoàn kiểm tra⁶. Trường hợp này đã được khắc phục kịp thời sau đợt kiểm tra.

+ Qua đợt kiểm tra, Ban Quản lý KCNC ghi nhận có 02 trường hợp chưa đủ cơ sở để xác định hành vi vi phạm⁷. Ban Quản lý KCNC hiện đang tiếp tục làm việc với các doanh nghiệp này để rà soát, củng cố hồ sơ. Các trường hợp khác Ban Quản lý KCNC tiếp tục theo dõi, giám sát hoạt động và sẽ xem xét xử lý theo quy định hiện hành về bảo vệ môi trường (nếu phát hiện vi phạm).

¹ Công ty TNHH Điện tử DGS; Công ty TNHH TJ Aerospace Việt Nam; Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen; Viện Vật liệu xây dựng; Viện Công nghệ cao Hutech.

² Công ty TNHH MTV Năng lượng Bảo Sơn

³ Công ty CP Công nghiệp hỗ trợ Minh Nguyên (Lô HT-6)

⁴ Công ty TNHH TJ Aerospace Việt Nam.

⁵ Công ty Cổ phần Dệt may Sài Gòn

⁶ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vivian

⁷ Công ty TNHH MTV Năng lượng Bảo Sơn; Công ty CP Công nghiệp hỗ trợ Minh Nguyên (Lô HT-6).

Trong năm 2024, Ban Quản lý KCNC đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính 02 trường hợp vi phạm theo kết quả kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của Ban Quản lý KCNC năm 2023 và chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH New-Hanam và Công ty TNHH Giải pháp điện tử T.C Việt Nam theo quy định.

- Số lượng, tỷ lệ vụ việc khiếu kiện về bảo vệ môi trường được giải quyết: Trong năm 2024 Ban Quản lý KCNC đã tiến hành kiểm tra thực tế 01 trường hợp theo phản ánh của người dân về ô nhiễm môi trường (do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức tiếp nhận qua cổng thông tin 1022 và đề nghị Ban Quản lý KCNC kiểm tra do nằm trong Khu Công nghệ cao) với nội dung *“Trung tâm thương mại đang xây dựng bốc ra mùi hôi thối rất nặng, ảnh hưởng xung quanh”*.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, Ban Quản lý KCNC đã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú A kiểm tra thực tế tại hiện trường Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đông Sài Gòn (khu vực bị phản ánh có mùi hôi thối), kết quả tại thời điểm kiểm tra ghi nhận khu vực dự án đã ngưng thi công, không còn phát sinh mùi.

c) Tình hình thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải; quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải; quản lý chất thải rắn; kiểm soát khí thải, quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

- Tình hình thu gom, thoát nước mưa: Khu Công nghệ cao tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý nước thải nhằm đảm bảo nước mưa và nước thải trong Khu Công nghệ cao được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của Thành phố.

- Tình hình thu gom, thoát nước; thu gom, xử lý nước thải

+ Quá trình xây dựng công trình xử lý nước thải

Hiện nay, Khu Công nghệ cao đã được đầu tư xây dựng các công trình xử lý thuộc Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCNC (NMXLNT) với tổng công suất **9.000m³/ngày.đêm** bao gồm: NMXLNT Giai đoạn I với công suất 5.000m³/ngày.đêm và Module 1 thuộc NMXLNT Giai đoạn II với công suất 4.000m³/ngày.đêm.

Trong năm 2024, Module 2,3 thuộc NMXLNT Giai đoạn II với công suất 8.000m³/ngày.đêm đã được thi công xây dựng, hiện đang hoàn thiện các hồ sơ pháp lý để đưa vào vận hành chính thức.

Tình hình thu gom và xử lý nước thải trong KCNC: NMXLNT hiện vẫn đủ khả năng tiếp nhận và xử lý nước thải của tất cả các Nhà đầu tư trong KCNC.

+ Quá trình đầu nối thu gom, tiếp nhận nước thải:

Toàn bộ nước thải từ các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC được NMXLNT tiếp nhận sau khi dự án được Ban Quản lý KCNC chấp thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật từ dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của KCNC theo đúng Quy trình đầu nối hạ tầng kỹ thuật từ các dự án thành phần với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của KCNC được ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-KCNC ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Trong KCNC không có doanh nghiệp, đơn vị xả nước thải ra ngoài môi trường.

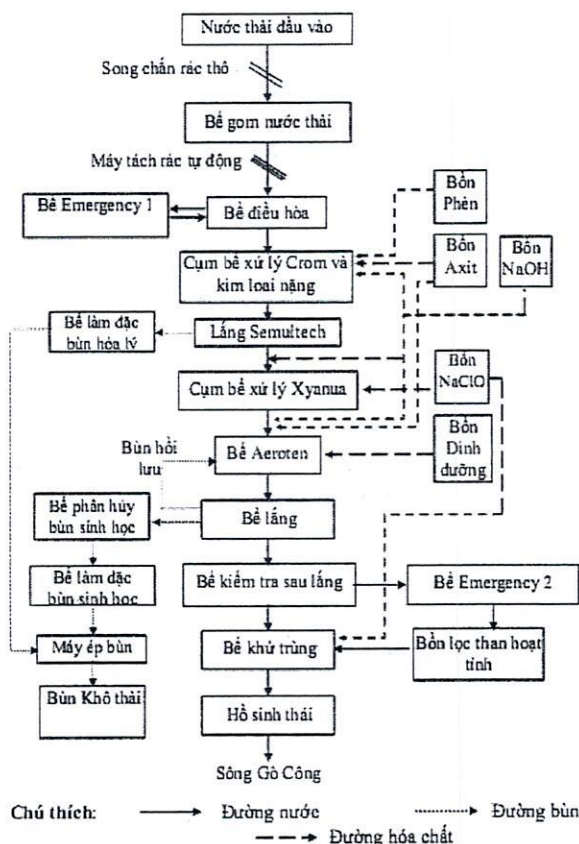
+ Quá trình xử lý nước thải:

Nước thải từ các doanh nghiệp trong KCNC đều được thu gom và xử lý sơ bộ. Chất lượng nước thải đầu ra của các doanh nghiệp phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đầu vào NMXLNT của Khu Công nghệ cao theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý KCNC trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCNC.

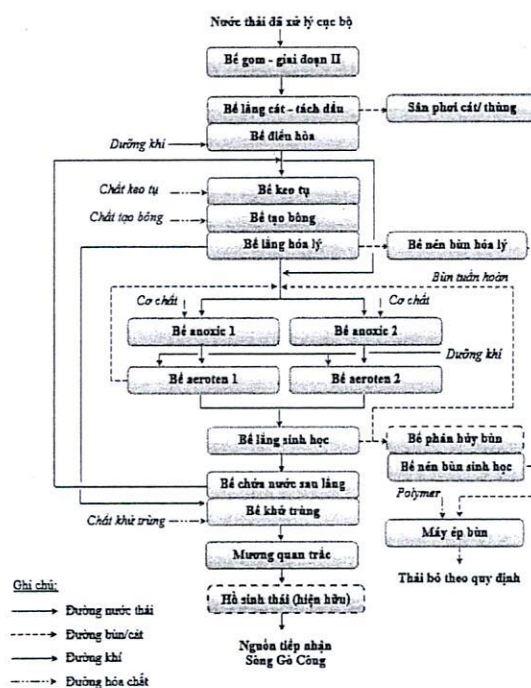
Nước thải phát sinh trong Khu Công nghệ cao sau khi được thu gom và xử lý được dẫn xả ra mương quan trắc, sau đó xả ra mương thoát nước chung của khu vực, cuối cùng xả ra rạch Gò Công theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ theo đúng nội dung giấy phép xả nước thải được cấp.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao:

Công trình xử lý nước thải: NMXLNT có chức năng xử lý nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp hoạt động trong Khu Công nghệ cao với công suất thiết kế hiện nay đang hoạt động là 9.000 m³/ngày đêm (bao gồm NMXLNT Giai đoạn I công suất 5.000 m³/ngày đêm và NMXLNT Giai đoạn II – Module 1 công suất 4.000 m³/ngày đêm).



Hình 1. Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải Giai đoạn 1 (5.000 m³/ngày đêm)



Hình 2. Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải Giai đoạn 2 - Module 1 (4.000 m³/ngày.đêm)

Phương thức vận hành hệ thống xử lý nước thải: NMXLNT được vận hành liên tục.

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các công ty hoạt động trong KCNC đều được hòa lẫn với nước thải công nghiệp khi xả thải về NMXLNT. Do đó, không tách riêng được lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải phát sinh trong KCNC được xem lẫn nước thải công nghiệp.

Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất; Tổng lưu lượng được phê duyệt theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước:

Bảng 6. Thống kê lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh qua các năm

STT	Năm	Lưu lượng trung bình	Lưu lượng (tính theo 80% nước cấp)	Giấy phép xả thải
01	2021	4.835 m³/ngày đêm	1.764.747 m³	9.000 m³/ngày đêm
02	2022	5.298,8 m³/ngày đêm	1.934.075 m³	
03	2023	4.448,3 m³/ngày đêm	1.915.136 m³	
04	2024	4.497,9 m³/ngày đêm	1.926.310 m³	

Số ngày vận hành trong năm: 366 ngày.

Lượng điện năng tiêu thụ cho việc vận hành NMXLNT tập trung: 830.684 kWh/năm.

Lượng bùn thải phát sinh: Trong năm 2024, NMXLNT đã chuyển giao xử lý 74,98 tấn bùn thải theo loại **bùn thải nguy hại**.

Đồng thời trong năm 2024, bùn thải của NMXLNT đã được lấy mẫu phân định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Kết quả phân tích các mẫu bùn thải tại NMXLNT cho thấy 15 chỉ tiêu phân tích (15 chỉ tiêu có số thứ tự từ 1 đến 15 của Bảng 1 QCVN 50:2013/BTNMT) đều thấp hơn hàm lượng tuyệt đối cơ sở và ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngấm chiết và hàm lượng tuyệt đối của QCVN50:2013/BTNMT. Nội dung này đã được báo cáo và nhận được ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 13386/STNMT-CTR ngày 13 tháng 12 năm 2024. Do đó, từ năm 2025, bùn thải từ NMXLNT sẽ được phân định, phân loại là chất thải rắn công nghiệp thông thường. Việc thu gom, lưu giữ, xử lý bùn thải được thực hiện theo các quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được quy định tại Mục 3 Chương VI Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Đối với lượng bùn thải tồn đọng của các năm trước, ước tính khoảng 2.270 m³ đang được tạm chứa tại Bể phân hủy bùn của NMXLNT, Ban Quản lý KCNC đã lập kế hoạch ép và dự kiến chuyển giao xử lý trong năm 2025.

d) Thông tin chung về hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Hiện nay, NMXLNT tập trung có 02 trạm quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước thải sau xử lý đã được lắp đặt gồm: trạm quan trắc nội bộ và trạm quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Trạm quan trắc tự động nội bộ:

+ Vị trí đặt hệ thống: Mương quan trắc nội bộ, sau bể khử trùng của NMXLNT Giai đoạn 1 và NMXLNT Giai đoạn 2 – Module 1. Tọa độ vị trí hút mẫu 10°50'29,5", 106°48'59.7". Mẫu nước sẽ được bơm về nhà trạm để tiến hành đo.

+ Nguồn thải được giám sát là NMXLNT với công suất thiết kế 9.000 m³/ngày đêm. Lưu lượng xả thải trung bình là: 4.497,9 m³/ngày đêm.

+ Tần suất thu nhận dữ liệu: Liên tục.

+ Danh mục các thông số quan trắc:

Bảng 7. Các thông số quan trắc của trạm quan trắc tự động nội bộ

STT	Thông số quan trắc	QCVN 40:2011/BTNMT
01	Nhiệt độ	40°C

02	pH	6-9
03	TSS	40,5
04	COD	60,75
05	DO	-
06	Tổng Nito	16,2
07	Tổng Phospho	3,24
08	Lưu lượng	-

Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 6748/STNMT-CCBVMT ngày 12 tháng 8 năm 2019 về thông báo kết quả kiểm tra việc thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục của Khu Công nghệ cao, trạm quan trắc nội bộ còn một số tồn tại như sau:

- Chưa có bộ thiết bị lấy mẫu tự động để lấy và lưu mẫu nước khi một trong những thông số được giám sát vượt ngưỡng quy chuẩn cho phép;
- Chưa trang bị hệ thống camera giám sát;
- Các thiết bị chưa được hiệu chuẩn theo quy định, chưa thực hiện quan trắc đối chứng;
- Chưa có giấy chứng nhận kèm theo báo cáo kết quả kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị quan trắc của hệ thống;
- Chưa có biên bản kiểm tra độ chính xác tương đối của hệ thống;
- Chưa truyền dữ liệu tự động và liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Nguyên nhân: Trạm quan trắc nước thải tự động nội bộ được đầu tư năm 2018 (cùng với thời điểm xây dựng NMXLNT - Giai đoạn 2 - Module 1) từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trước khi Thông tư 24/2017/TT-BTNMT (đã được thay thế bằng Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021) được ban hành và có hiệu lực nên phát sinh một số tồn tại.

Tình trạng hoạt động của trạm: Hiện nay trạm quan trắc nước thải tự động nội bộ đã trang bị camera giám sát đồng thời đã thực hiện kết nối, truyền dẫn dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên hiện trạng các cảm biến và thiết bị đo của trạm quan trắc tự động nước thải đều đã hỏng, chưa đáp ứng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT nên chưa thể đánh giá được mức độ đầy đủ của dữ liệu thu nhận, số liệu từ trạm quan trắc tự động truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường chưa phải là số liệu chính xác.

Các hạng mục máy móc thiết bị hư hỏng cần sửa chữa, hiện Ban Quản lý KCNC đang khẩn trương rà soát, thực hiện đăng ký kinh phí ngân sách để hoàn chỉnh vì các máy móc thiết bị của hệ thống này được đầu tư bằng vốn ngân sách.

Nhận xét kết quả quan trắc: Sau khi trạm quan trắc tự động được hoàn thiện, Ban Quản lý KCNC sẽ báo cáo kết quả quan trắc tự động theo đúng định dạng của Mẫu 06. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường vào các kỳ tiếp theo.

- Trạm quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường

Bên cạnh trạm quan trắc nội bộ của NMXLNT, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đặt trạm quan trắc tại NMXLNT, cụ thể như sau:

+ Danh mục thông số quan trắc:

Bảng 8. Các thông số quan trắc của trạm quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Thông số quan trắc	QCVN 40:2011/BTNMT
01	Nhiệt độ	40°C
02	pH	6-9
03	TSS	40,5
04	COD	60,75
05	Lưu lượng	-

+ Vị trí đặt hệ thống: sau hồ sinh thái hiện hữu, trước khi xả thải ra môi trường.

+ Mục đích: Sở Tài nguyên và Môi trường quan trắc tự động, liên tục giám sát chất lượng nước thải sau xử lý của NMXLNT tập trung trước khi xả thải ra môi trường.

+ Tình trạng hoạt động của trạm: Trạm quan trắc tự động được Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường vận hành. Hiện tại, Ban Quản lý KCNC chỉ được xem kết quả trực tiếp trên hệ thống online của Sở Tài nguyên và Môi trường và nhận các kết quả được Sở Tài nguyên và Môi trường gửi về.

Nhận xét kết quả quan trắc: Đối với trạm quan trắc tự động của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý KCNC chỉ được xem kết quả trực tiếp trên hệ thống online của Sở Tài nguyên và Môi trường và nhận các kết quả được Sở Tài nguyên và Môi trường gửi về nên không thể đánh giá được mức độ đầy đủ của dữ liệu thu nhận.

e) Công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Hàng năm, Ban Quản lý KCNC đều thực hiện các nội dung để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, cụ thể:

- Đối với hoạt động của NMXLNT: thực hiện duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị và có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường để đảm bảo hoạt động liên tục, ổn định nhằm tiếp nhận toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp trong KCNC, xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả ra ngoài môi trường. Đồng thời, Hồ sự cố theo yêu cầu của Giấy phép xả nước thải vào

nguồn nước số 544/GP-BTNMT với thể tích 17.000 m³ đã được xây dựng và đưa vào sử dụng ngày 20 tháng 11 năm 2024.

- Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong KCNC: Ban Quản lý KCNC tổ chức kiểm tra định kỳ về hoạt động bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp nhằm kịp thời hướng dẫn, phát hiện để kịp thời xử lý các sự cố môi trường có thể phát sinh tại các doanh nghiệp. Hầu hết các doanh nghiệp được kiểm tra đều có xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình quản lý công tác bảo vệ môi trường trong KCNC, Ban Quản lý KCNC còn gặp một số khó khăn vướng mắc như sau:

a) Về đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Từ khi Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường cho đến nay, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa ban hành bộ đơn giá quan trắc thay thế cho bộ đơn giá quan trắc được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2015. Do đó, Ban Quản lý KCNC chưa có cơ sở để lập dự toán kinh phí để lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước thải, khí thải phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp.

Ban Quản lý KCNC đã có Công văn số 710/KCNC-QHXDMT ngày 27 tháng 6 năm 2023 gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về việc hướng dẫn áp dụng ban hành đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường. Ngày 24 tháng 7 năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 6755/STNMT-KHTC, theo đó Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn áp dụng “*Thông tư 20/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường; Công văn số 1853/BTNMT-KHTC ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến về vướng mắc trong quá trình áp dụng định mức ban hành kèm theo Thông tư 20/2017/TT-BTNMT*”. Tuy nhiên, Ban Quản lý KCNC gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng đơn giá khi không có chức năng để tự xây dựng đơn giá cho quan trắc môi trường, do đó cần phải thuê đơn vị bên ngoài để thực hiện công tác này, việc thuê đơn vị xây dựng đơn giá quan trắc lại gặp phải khó khăn về kinh phí để thuê đơn vị xây dựng đơn giá. Đồng thời xét việc tự thuê đơn vị xây dựng đơn giá tốn chi phí nhưng phạm vi áp dụng chỉ cho từng đơn vị riêng lẻ gây lãng phí tiền và không thống nhất giữa các đơn vị trên cùng một địa bàn là Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Về việc chấm dứt hình thức xử phạt bổ sung “*đình chỉ hoạt động có thời hạn*”

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có quy định hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi vi phạm về thủ tục hành chính là “*đình chỉ hoạt động có thời hạn*” nhưng không quy định biện pháp khắc phục. Tuy nhiên do sự thay đổi liên tục các quy định về lĩnh vực bảo vệ môi trường nên các doanh nghiệp chưa nắm bắt để thực hiện các thủ tục hồ sơ đúng hạn, kịp thời theo quy định, ngoài ra các doanh nghiệp cũng có sự biến động thường xuyên về nhân sự phụ trách công tác bảo vệ môi trường nên quá trình theo dõi hồ sơ thủ tục môi trường chưa được xuyên suốt. Thực tế qua quá trình kiểm tra, Ban Quản lý KCNC nhận thấy các doanh nghiệp này vẫn đảm bảo tuân thủ việc đầu tư, vận hành các công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở trong quá trình hoạt động (hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải, lưu giữ và chuyển giao chất thải với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý có chức năng theo đúng quy định). Do đó việc bị đình chỉ hoạt động có thời hạn do vi phạm thủ tục hành chính nhưng không quy định biện pháp khắc phục cụ thể sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp và ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động.

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa quy định cách thức tổ chức đình chỉ hoạt động, cụ thể: chưa quy định biên bản đình chỉ hoạt động hoặc tổ chức kiểm tra khắc phục xong hậu quả vi phạm về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp vi phạm, quy cách thực hiện niêm phong khi thực hiện đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải hoặc đình chỉ hoạt động của cơ sở.

2. Kiến nghị

a) Về đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố sớm ban hành đơn giá quan trắc môi trường để các đơn vị thực hiện đồng loạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Về việc chấm dứt hình thức xử phạt bổ sung “*đình chỉ hoạt động có thời hạn*”

- Đối với các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến hồ sơ thủ tục và buộc phải thực hiện hình thức phạt bổ sung là “*đình chỉ hoạt động có thời hạn*”: tháo gỡ cho doanh nghiệp bằng cách xem xét, dừng thực hiện đình chỉ hoạt động ngay sau khi các doanh nghiệp đã khắc phục hồ sơ thủ tục.

- Quy định cụ thể về quá trình thực hiện tổ chức đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với các cơ sở có vi phạm về lĩnh vực bảo vệ môi trường, cụ thể: mẫu biên bản, mẫu niêm phong,...

IV. SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG

Đính kèm tại Phụ lục của Báo cáo này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Sở TNMT;
- Thanh tra Sở TNMT;
- PC03 – Công an TPHCM;
- Phòng TNMT - UBND TP.Thủ Đức;
- Các PTB (để biết);
- Phòng QLDN;
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Y.10.

Đính kèm: Phụ lục

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Kỳ Phùng



Phụ lục

**BẢNG 1. DANH MỤC CHỈ TIÊU BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHỆ CAO
(VIẾT TẮT LÀ KCNC) KHÔNG THUỘC KHU KINH TẾ**

(Đính kèm Báo cáo số 06/BC-KCNC ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao)

TT	Tên KCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích đã đầu tư/ Tổng diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong KCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m ³ /ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	913,1633 ha	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	108	89,27	Có	4.497,9	9.000	- Trạm quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường: Nhiệt độ, pH, TSS, COD và Lưu lượng. - Trạm quan trắc nội bộ: Nhiệt độ, pH, TSS, COD, DO, Tổng N, Tổng P, Lưu lượng.	504.632,81 (Số liệu dựa trên số lượng Báo cáo CTBVMT năm 2024 nhận được từ các doanh nghiệp)	33.984.767,58 (Số liệu dựa trên số lượng Báo cáo CTBVMT năm 2024 nhận được từ các doanh nghiệp)	4.655.532,64 (Số liệu dựa trên số lượng Báo cáo CTBVMT năm 2024 nhận được từ các doanh nghiệp)	Có 01 Hồ chứa 17.000 m ³ đang trong quá trình xây dựng	17,95%



BẢNG 2. DANH SÁCH CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG TRONG KHU CÔNG NGHỆ CAO

(Đính kèm Báo cáo số /BC-KCNC ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao)

Ghi chú:

Danh mục chủ thích dành cho cột thông tin "Loại hình sản xuất chính" như sau: SX (Sản xuất), SX CNC (Sản xuất Công nghệ cao), SX CNHT (Sản xuất Công nghiệp hỗ trợ), DV CNC (Dịch vụ Công nghệ cao), DV CNHT (Dịch vụ Công nghiệp hỗ trợ), ĐT (Đào tạo), R&D (Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển), PTHT (Phát triển hạ tầng), DV DS (Dịch vụ dân sinh), DV HC (Dịch vụ hậu cần).

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
1	Cty TNHH Sài Gòn Allied Technologies	Sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử	26.782.000	09/GPMT-KCNC	132,00	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	10608,00	42464,00	18946,40	0,00	Không	45%
2	Công Ty Cổ Phần Điện Tử D.G.S	Thiết kế, sản xuất, gia công xuất khẩu linh kiện điện tử	2.000.000	07/GCN-KCNC	2,45	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	7,17	256,00	287,00	7800,00	Không	30%
3	Công ty TNHH Nidec-Instruments (Việt Nam)	Sản xuất các linh kiện, mô tơ nhỏ chính xác cao	210.000.000	01/GPMT-KCNC	250,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp	532,80	2047558,00	636204,70	56800,00	Không	19%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						sẵn và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao						
4	Công Ty TNHH NIDEC VIETNAM CORPORATION	Sản xuất các linh kiện, mô tơ nhỏ chính xác cao	160.000.000	04/GPMT-KCNC	280,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	9736,18	4,039,957	77,28	18546,00	Không	28%
5	Công ty TNHH NIDEC ADVANCED MOTOR (VIỆT NAM)	Sản xuất các linh kiện, mô tơ nhỏ chính xác cao	24.000.000	08/GPTM-KCNC	187,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao	70,30	791240,00	1657752,00	152000,00	Không	22%
6	CTY TNHH NIDEC PRECISION VIỆT NAM	Sản xuất các linh kiện, mô tơ nhỏ chính xác cao	217.844.000 mô tơ + 29.720.000 linh kiện	749/QĐ-TNMT-QLMT	150,00	Xử lý cục bộ trước khi đầu nối vào NMXLNTTT KCNC	259,00	59379,00	92378,00	2897,00	Không	22%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
7	Công ty TNHH MTV Nidec Seimitsu Việt Nam		Đang ngưng hoạt động									
8	CÔNG TY TNHH SONION VIỆT NAM	Linh kiện điện tử	140 triệu sản phẩm/năm	1235/QĐ-UBND	129,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	216,00	73149,00	110202,00	8000,00	Không	25%
9	TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ CITARES	Đào tạo dạy nghề	Năm 2024 không phát sinh	2047/TNMT	1,36	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	4,08	31	Không phát sinh	Không phát sinh	Không	0%
10	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược Nanogen	Sản xuất dược phẩm	24 triệu sản phẩm/năm	889/GXN-STNMT-CCBVM	68,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp	36,00	1602,00	1057,00	3500,00	Không	40%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
15	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG MINH MK	In ấn thẻ nhựa và ấn phẩm giấy	thẻ nhựa: 5 triệu sp/năm, ấn phẩm giấy các loại 15 triệu sp/năm.	Đăng ký môi trường nộp cho UBND P. Tân Phú, Tp. Thủ Đức ngày 29/12/2023	6,80	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	13,26	421,00	5468,00	0,00	Không	30%
16	Công Ty TNHH Điện Tử DLG ANSEN	Sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao	10.000.000	- Quyết định số 58/QĐ-STNMT-CCBVM	18,24	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	63,60	975,00	4497,00	0,00	Không	35%
17	Công ty TNHH Averna Việt Nam	Nghiên cứu và sản xuất các thiết bị bán dẫn, sửa chữa các trang thiết bị của ngành công nghiệp bán dẫn	200 đơn vị thiết bị và cụm máy móc/năm	Số 52/UBND phường Tân Phú	655,40	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	42000,00	189,00	24665,00	0,00	Không	0%
18	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA	Trung tâm nghiên cứu phát triển		Không có	4,00	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu	40,60	65,00	0,00	0,00	Không	20%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						Công nghệ cao						
19	Địa điểm kinh doanh - Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất khí công nghiệp	Sản xuất oxy, nito, argon công suất 346.750 tấn/năm	23/GPMT-UBND	44,60	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	9,60	110,00	50,00	0,00	Không	20%
20	CÔNG TY CỔ PHẦN CTCBIO VIỆT NAM	Sản xuất chất bổ sung thức ăn gia súc, sản xuất thuốc thú y – thủy sản các loại	3.000 tấn/năm	28/QĐ-KCNC	2708,00	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	29,00	884,00	22971,00	20000,00	Không	20%
21	SẢN XUẤT THẺ THÔNG MINH.	Sản xuất theo dự án	200.000.000	GCN Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 08/GCN-KCNC.	4,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nổi vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	2,62	2350,00	0,00	2591,00	Không	23%
22	CÔNG TY TNHH GIẢI	Sản xuất điện tử	9.235	Số 557/UBND	5,50	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý	0,86	33,00	4390,00	0,00	Không	29%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
	PHÁP ĐIỆN TỬ T.C VIỆT NAM					nước thải do dự án tự xây lắp và đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao						
23	Công ty TNHH Datalogic Việt Nam	Máy đọc mã vạch	1.300.000	Giấy phép môi trường số 05/GPMT-KCNC	54,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	15,68	5957,00	268843,00	4000,00	Không	20%
24	Viện Dầu khí Việt Nam		Chưa hoạt động									
25	Trung tâm Phân tích Thí Nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam	Nghiên cứu khoa học	20	749/UBND	13,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	61658,00	1450,00	0,00	14834,00	Không	41%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m³/ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
26	Công ty TNHH SX TM Kỹ thuật Bảo Sơn		Đang ngưng hoạt động									
27	Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường	Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ khoa học trong lĩnh vực môi trường, dịch vụ quan trắc môi trường	56 lao động	Quyết định số 228/QĐ-TNMT-CCBVM của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 08/03/2012	1,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao	25,00	1019,00	0,00	1000,00	Không	21%
28	Công Ty Cổ phần Nhá Máy Trang Thiết Bị Y Tế USM Healthcare	Trang thiết bị y tế	120.526.303	1306/QĐ-STNMT-CCBVM	40,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao	0,16	1184,00	828,00	3300,00	Không	23%
29	Phân viện vật liệu xây dựng miền nam	Nghiên cứu	Hoạt động nghiên cứu, diện tích 3.732 m2	780/QĐ-TNMT	1,12	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nối thẳng ra hệ thống	2,88	50	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TPHCM	1.300	Không	48,18

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						thoát nước của Khu Công nghệ cao						
30	Công ty trách nhiệm hữu hạn Jabil Việt Nam	Gia công linh kiện điện tử	116.000.000	02/GPMT-KCNC	580,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	29,80	394323,00	4283687,00	403717,00	Không	26%
31	Nhà máy sản xuất và Trung tâm nghiên cứu dược phẩm	Sản xuất và nghiên cứu dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	86.000.000	27/GPMT-UBND	236,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	14,60	262920,83	127880,00	119050,00	Không	44%
32	Công ty TNHH Thế Giới Gen	Sản xuất thuốc, hóa dược dược liệu	13.200	26/11/2024	2,48	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nối thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu	5,40	262,00	74,60	0,00	Không	28%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						Công nghệ cao						
33	CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG	Nghiên cứu và phát triển	150000	Số 01/GPMT-KCNC	8269,00	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	294,48	46473,00	2236,00	30000,00	Không	20%
34	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT	Công nghệ Thông tin	HPT là công ty Dịch vụ, không phải sản xuất	111/QĐ-KCNC	5,37	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nổi vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	71,04	không có	không có	0	Không	40%
35	CÔNG TY TNHH VIEDAM MR	Nghiên cứu, chế tạo khuôn, thử nghiệm vật liệu để sản xuất các sản phẩm, linh kiện, thiết bị	200	135/QĐ-KCNC	6,70	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	159,36	2800,00	2054,00	Phát sinh không đáng kể	Không	0%
36	Viện Công nghệ cao HUTECH	Nghiên cứu khoa học - chuyển giao	Đào tạo khoảng 87 học viên và	136/QĐ-KCNC	16,55	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và	18,00	0,00	0,00	0,00	Không	57%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m³/ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
		công nghệ - đào tạo trình độ cao trong các lĩnh vực công nghệ cao	là nơi làm việc của khoảng 84 cán bộ là giảng viên			đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao và Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nổi vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao						
37	Phân Hiệu Trường Đại Học FPT Tại Thành Phố	Nghiên cứu	5500 nhân viên	973/UBND	1684,40	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nổi vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	1054,00	0,00	39,00	0,00	Không	35%
38	TRUNG TÂM ĐÀO ĐÀO NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO HUTECH	Đào tạo, cung cấp nhân lực	Cơ sở có khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo khoảng 1.582 học	182/QĐ-KCNC	53,00	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước	57,00	15,00	0,00	0,00	Không	47%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
			viên và là nơi làm việc của khoảng 91 cán bộ là giảng viên và bảo vệ, nhân công vệ sinh.			của Khu Công nghệ cao và Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao						
39	CÔNG TY CP NHÀ MÁY THIẾT BỊ Y HỌC VÀ VẬT LIỆU SINH HỌC	SẢN XUẤT THỦY TINH THỂ NHÂN TẠO	250.000	Số 1094/UBND	6,00	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nối thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	3744,00	60,00	0,00	0,00	Không	22%
40	Công ty TNHH Kỹ Thuật Daikou Việt Nam	Cơ khí chính xác, tự động hóa và robot	18 chủng loại máy móc khác nhau trong 1 năm	2010/QĐ-TNMT-CCBVM	2,00	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nối thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	19,10	2956,00	2572,00	0,00	Không	0%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
41	Công ty TNHH CNS Amura Precision	Thiết kế sản xuất khuôn mẫu chính xác và nhựa kỹ thuật	250 bộ khuôn, 2.500 tấn nhựa	3309/GXN-STNMT-CCBVT	20,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao	271,00	1789,00	91,00	0,00	Không	25%
42	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG HẢI NAM	Sản xuất biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	700 bộ sản phẩm/năm	02/GXN-KCNC-QHXDMT	35,80	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	38460,00	6687.5	198034,00	19574,00	Không	2090%
43	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NHÀ XƯỞNG LẬP THÀNH	Nhà xưởng cho thuê	0	số 162/UBND	18,00	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nối thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	0,60	0,00	0,00	0,00	Không	20%
44	GOOMI EHWA VINA	Sản xuất linh kiện điện tử	69.000.000.000	685/UBND	702,00	Xử lý nước thải bằng bể	994,00	19,00	4529,00	0,00	Không	0%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
		cho màn hình phân giải cao				tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao						
45	Nhà máy sản xuất Film và băng dính, vật liệu cách điện, khay và tấm dẫn nhiệt công nghệ cao ở Việt nam	Sản xuất các sản phẩm từ plastic	Phim và băng công nghệ cao: 3.500 cuộn/năm, Điện môi cách dẫn: 4.500.000 chiếc/năm, Khay dẫn nhiệt: 4.000.000 chiếc/năm, Tấm dẫn nhiệt 3.000.000 chiếc/năm	Số 2860	801,60	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	0,50	12kg/ năm	11350kg/ năm	0,00	Không	0%
46	Trung tâm Phát Triển Công Nghệ Cao Đại Học Nguyễn Tất Thành	Nghiên Cứu Khoa Học	10 đề tài nghiên cứu trên năm	06/GPMT-KCNC	10,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nổi vào hệ thống thoát nước của	2,20	1321,00	0,00	0,00	Không	9%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m³/ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						Khu Công nghệ cao						
47	- Dự án “Đầu tư nghiên cứu và sản xuất sinh dược – phẩm Mekophar”	Sinh - Dược phẩm	- Tế bào gốc: 9.600 mẫu - Sản phẩm chiết tách từ nguồn Plasma: 15.000 sản phẩm - Dược phẩm: 200 mặt hàng với công suất 6.562,45 tấn sản phẩm/năm	4307/GXN-STNMT-CCBVM	47,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	25,51	1618,20	2722,00	14,16	Không	33%
48	Trung tâm Logistics Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Dự án lưu trữ hàng hóa, nguyên vật liệu với công suất 70.000 tấn	02/GTN-UBND	29,12	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nối thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	47,58	99,00	45280,00	0,00	Không	20%
49	Công Ty TNHH MTV Transimex Hi Teck Park Logistics	KHo Ngoại Quan Và Dịch Vụ Hậu Cần	40.000 tấn/năm	218/QĐ-KCNC	115,00	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nối thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu	5,68	53,00	3600,00	0,00	Không	7%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						Công nghệ cao						
50	Công ty TNHH Điện tử Samsung CE Complex	Sản xuất, sửa chữa, lắp ráp kinh doanh sản phẩm điện tử gia dụng	19.000.000	12105/GXN-STNMT-CCBVM T	318642,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	329880,00	611760,00	24323130,00	1662069,00	Không	15%
51	Công ty TNHH MTV Daeyoung Electronics Vina	Sản xuất linh kiện điện tử	32.000.000	02/GPMT-KCNC	110,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	77,50	32170,00	56505,00	170000,00	Không	30%
52	Nhà máy sản xuất thiết bị điện cho ngôi nhà thông minh và điện dân dụng	Sản xuất thiết bị điện cho ngôi nhà thông minh và điện dân dụng	50.000.000	11/GPMT-KCNC	39,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của	92,30	2448,00	101119,00	0,00	Không	20%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m³/ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						Khu Công nghệ cao						
53	Dự án Trạm cấp khí CNG cho Samsung CS 37tr Nm3/năm			304/QĐ-KCNC	Không phát thải							
54	CÔNG TY TNHH MTV NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ SINH HỌC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ	Sản xuất các thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, buôn bán dược phẩm,...	360.000 chip/năm	số 07/GXN-KCNC-QHXDMT	4,50	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	6,70	68,00	62,40	500,00	Không	40%
55	CHI NHÁNH ORISTAR CORP HOCHIMINH	Sản xuất dụng cụ lăng kính phản xạ	1.197.801	C2172/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 18/08/2016	10,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu nổi vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao	96,00	600,00	2509,00	0,20	Không	20%
56	Dự án: Trung Tâm Nghiên Cứu Dược Phẩm Công nghệ Sinh Học Giai Đoạn 2	Nghiên cứu dược phẩm	24 triệu sản phẩm/ năm	313/QĐKCNC	26,70	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu	74,50	745,00	97,00	1500,00	Không	48%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao						
57	Khu phức hợp OneHub Saigon	Kinh doanh dịch vụ		193/TB-UBND	10,36	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	175,10	100,00	Không phát sinh rác thải công nghiệp	0,00	Không	30%
58	Nhà xưởng xây dựng sẵn của Công ty TNHH TLD Hi-Tech và đầu tư các hệ thống xử lý nước thải tập trung tổng công suất 370 m ³ /ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn	Cung cấp dịch vụ nhà xưởng xây dựng sẵn (04 nhà xưởng)	Diện tích đất xây dựng nhà xưởng và công trình phụ trợ là 10.646,8m ² , cụ thể: Nhà xưởng 1: 2.527,2 m ² , nhà xưởng 2: 2.657,2 m ² , nhà xưởng 3: 2.380 m ² , nhà xưởng 4: 1.281,2 m ² .	văn bản số 333/UBND	42,23	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	8,37	59,00	0,00	0,00	Không	30%
59	NHÀ MÁY NGHIÊN CỨU VÀ SẢN XUẤT	Sản xuất linh kiện điện tử	140 triệu sản phẩm/năm	3080/QĐ-STNMT-CCBVT	23,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý	18,00	1864,00	8079,00	21352,00	Không	35%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
	CÁC THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG, CHIP LED SIÊU SÁNG VÀ CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG SUẤT 140 TRIỆU SẢN PHẨM/NĂM					nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao						
60	CÔNG TY TNHH DAIHAN VINA	SẢN XUẤT BỘ TRAO ĐỔI NHIỆT	- BỘ TRAO ĐỔI NHIỆT SỬ DỤNG ỐNG NHÔM: 900.000 SP/NĂM - BỘ TRAO ĐỔI NHIỆT SỬ DỤNG ỐNG ĐỒNG: 500.000 SP/NĂM	GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG SỐ : 07/GPMT - KCNC	7,49	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đấu nối thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	5,68	2,42	24,61	3,50	Không	20%
61	Công ty TNHH Platel Vina	Sản xuất Linh kiện điện tử	30.000.000	2533/GXN_S TNMT_CCB VMT	60,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đấu nối vào hệ thống thoát nước của	48,00	67,50	119409,00	10,05	Không	20%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m³/ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						Khu Công nghệ cao						
62	Công Ty TNHH NewHanam	Sản xuất thiết bị động cơ motor và ép nhựa	19.900.000/năm	12/GPMT-KCNC	60,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	80,00	8340,00	12,00	100,00	Không	20%
63	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY WEMBLEY MEDICAL	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	5.000.000 chiếc/năm	Số 260/GPMT-STNMT-CCBVMТ	3856,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	7,50	15,00	88,00	20,00	Không	23%
64	Công Ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Cho thuê văn phòng	Không có	Đăng ký môi trường số: 274/CV-CS	53,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của	175,00	104,00	0,00	0,00	Không	0%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						Khu Công nghệ cao						
65	Công ty TNHH Vivian Shuim	Văn phòng	Tòa nhà văn phòng cho thuê (diện tích đất xây dựng 1.050m ² , diện tích sàn xây dựng 5.250m ² , cao 05 tầng)	số: 2834/QĐ-STNMT-CCBVM	6,20	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	1,10	100,00	0,00	0,00	Không	32%
66	Công ty TNHH Nipro Việt Nam	Sản xuất thiết bị y tế	510.000.000	737/QĐ-BTNMT	315,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	88,62	10,50	109400,00	56,25	Không	25%
67	NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ	Nhà xưởng cho thuê	0	11245/GXN-STNMT-CCBVM	70,00	Đầu nối vào hệ thống thoát nước của KCN	0,00	0,00	0,00	0,00	Không	21%
68	Công ty TNHH MTV Công Nghệ Thông Tin Thế Giới Di Động	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin	Không	3623/UBND	70,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu	546,00	0,00	0,00	0,00	Không	20%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m³/ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m³/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
						nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao						
69	Công ty TNHH Double Star Materials Việt Nam	Sản xuất tấm (màng) quang học composite	1.327.380	số 64/QĐ-STNMT-CCBNMT	4,30	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nối thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	5,77	0,00	0,00	0,00	Không	0%
70	Công Ty TNHH Giải Pháp Số Tekbox Việt Nam	Sản xuất thiết bị đo lường điện tử, cảm biến, thiết bị truyền nhận dữ liệu không dây và các thiết bị IoT	4.800	3041/QĐ-STMNT-CCBVT	0,00	Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của nhà xưởng số 4 của Công ty TNHH TLD Hitech	56,88	30,00	93,00	0,00	Không	0%
71	Công ty Cổ phần Công nghệ Bioscope	Sản xuất nano phytosome từ các loại nguyên liệu thực phẩm	280 kg	113/TB-UBND	0,70	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao	20,16	41,00	0,00	0,00	Không	0%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
72	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Cao CNC	Gia công cơ khí	60000 linh kiện/năm	3549/UBND	2,57	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao	17,52	2964,00	35280,00	0,00	Không	0%
73	CCL Design Vina Co., Ltd	In ấn	300 triệu sản phẩm/năm	448/UBND	2,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao	43,00	904,00	83245,00	0,00	Không	0%
74	Công ty TNHH PEC Manufacturing Việt Nam	Sản xuất hệ thống pin năng lượng mặt trời	4.400.000	Quyết định số 3173/QĐ-UBND phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường	9,88	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nối thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	23,40	50,00	3,29	Không	Không	0%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
75	Nghiên cứu phát triển sản phẩm và chế tạo khuôn mẫu có độ chính xác cao	Nghiên cứu sản xuất khuôn mẫu cơ khí chính xác và các linh kiện nhựa	240 bộ khuôn mẫu/năm; 100.000.000 Linh kiện nhựa/năm	668/GPMT-STNMT-CCBVM	16,75	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đầu nổi thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	12,02	0,30	2400,00	0,00	Không	16%
76	Công ty TNHH ABB Automation & Electrification Việt Nam	Phát triển, sản xuất các hệ thống tự động hóa có sử dụng Robot	335	496/UBND	485,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu nổi vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao	12,10	200,00	0,00	0,00	Không	0%
77	CÔNG TY TNHH CORETRONIC VIỆT NAM	SẢN XUẤT MÀN HÌNH ĐỘ PHÂN GIẢI CAO	3.900.000	880/QĐ-UBND	2095,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đầu nổi vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao	13,00	4068,60	61277,00	0,00	Không	0%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
78	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CÔNG NGHỆ SINH HỌC DIAGNOSIS F	Sản xuất các kit chẩn đoán các bệnh trên người và trên thú y	- Bộ kit chẩn đoán các bệnh trên người và trên thú y với công suất giai đoạn đầu (năm 2021 – 2024) là 2.300.000 sản phẩm/năm; - Công suất giai đoạn ổn định (năm 2025 trở đi) là 4.200.000 sản phẩm/năm.	271/CV	0,63	Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn và đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải nhà xưởng 2&3 có công suất 210 m ³ /ngày của Công ty TNHH TLD Hi-Tech sau đó khi đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCNC tại hố ga trên SS đường D5.	1,60	366,20	669,10	0,00	Không	0%
79	Công ty TNHH Techtronic Tools (Việt Nam)	Nhà máy sản xuất các phụ kiện, thiết bị điện cầm tay thông minh dùng trong ngành công nghiệp và dân dụng	3.517.500 sản phẩm/năm tương đương 20.516 tấn/năm	171/GPMT-BTNMT	30,00	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	74,98	667,59	328,21	30000,00	Không	20%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm/năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
80	XÂY DỰNG HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI CHÍNH TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng	Số lượng nhân viên: 2.623 người	4050/UBND	600	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải do dự án tự xây lắp và đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	2000	0	0	3.600	Không	41%
81	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT VÀ IN NHÃN CAO PHÁT ĐẠT	In ấn	12.000.000 m ² nhãn in/năm	1521/UBND	3,73 m ³ /ngày.đêm	Xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải của Nhà xưởng đã xây lắp sẵn và đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	40,8	9158	48900	0	Không	0%
82	Trung tâm công nghệ của Makino tại Khu công nghệ cao TP HCM	Cung cấp giải pháp công nghệ máy CNC gia công khuôn mẫu, cơ khí chính xác	dịch vụ, linh kiện, đi kèm các giải pháp máy CNC	3649/UBND	175	Xử lý nước thải bằng bể tự hoại và đấu nối thẳng ra hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao	0,9	907	0	0	Không	60%

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Loại hình sản xuất chính	Quy mô công suất (số lượng sản phẩm /năm)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Khí thải		Tỷ lệ cây xanh (%)
					Lưu lượng (m ³ /ngày.đêm)	Biện pháp xử lý nước thải	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	Chất thải nguy hại (kg/năm)	Chất thải rắn công nghiệp (kg/năm)	Tổng lưu lượng khí thải (m ³ /giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	
83	Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao	Xử lý nước thải	9000 m ³ /ngày đêm				2,8	230				
	TỔNG CỘNG						504.632,81	4.655.532,64	33.984.767,58	3.161.173,16		

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH